VÀI NÉT VỀ VĂN HỌC DI CƯ NGA ĐƯƠNG ĐẠI

Đỗ Thị Hường
Phòng Văn học nước ngoài, Viện Văn học

***Tóm tắt**: Văn học Nga là một nền văn học lớn và đã có một đời sống phong phú ở Việt Nam. Độc giả Việt Nam đã được biết đến văn học Nga thế kỷ Vàng (thế kỷ 19), văn học Nga thế kỷ Bạc (cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20), văn học Nga Xô Viết, văn học Nga đương đại, văn học Nga di cư (chủ yếu các nhà văn di cư sau Cách mạng tháng Mười vì lí do chính trị). Tuy nhiên, văn học di cư Nga đương đại (cuối thế kỷ 20 - đầu thế kỷ 21) vẫn còn là một khoảng trống trong diện mạo và nghiên cứu văn học Nga ở Việt Nam. Bài viết này đi vào giới thiệu một vài nét cơ bản nhất về bộ phận văn học di cư Nga đương đại, từ bối cảnh di cư cho đến các tác giả, tác phẩm tiêu biểu và những chủ đề chính trong sáng tác của họ.*

***Từ khóa**: di cư, đương đại, làn sóng di cư thứ tư, Liên Xô, văn học Nga.*

Nhận bài ngày 25.06.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28.8.2025
Liên hệ tác giả: Đỗ Thị Hường; email: huongvhnnvvh@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học Nga là một trong những nền văn học lớn trên thế giới. Và đây cũng là một trong những nền văn học có số lượng các nhà văn di cư lớn. Lịch sử di cư của nước Nga đã trải qua một quá trình từ hơn một trăm năm. Tuy nhiên, các nhà văn Nga di cư ra khỏi đất nước với số lượng lớn nhất và ồ ạt nhất chính là giai đoạn đầu thế kỷ 20 (cụ thể là sau tác động của cuộc cách mạng tháng Mười) với ba làn sóng di cư lớn. Những làn sóng di cư này chủ yếu xuất phát từ các lý do chính trị, cụ thể là sự bất đồng của các nhà văn di cư với chính quyền, thể chế Xô Viết. Thậm chí, sự di cư cũng chưa hẳn xuất phát từ sự bất đồng, mà đến từ sự không hòa hợp, sự thất vọng, nỗi buồn của tầng lớp trí thức Nga trước những thứ quen thuộc, những thứ thuộc về nước Nga của chính họ đã không còn tồn tại khi một nước Nga mới (Liên Xô) đã được thiết lập. Ngày nay, việc di cư đã mang những ý nghĩa khác, sự tồn tại của nước Nga ngày nay không còn là một thách thức hay một mối lo, sự bất an từ những người di cư, cụ thể là "nỗi sợ sẽ có những cuộc thanh trừng đối với thế giới "cũ"" (Phạm Gia Lâm 2015:86) [1]. Họ phần nhiều di cư vì lý do cá nhân, vì những mong muốn riêng của bản thân và gia đình chứ ít có trường hợp bị buộc phải hoặc tự nguyện rời đi vì những lí do chính trị như thời kỳ trước.

Cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21 là mốc thời gian bước ngoặt của thế giới. Đây là thời kỳ có nhiều biến động của chính trị, những biến động này không chỉ gói gọn phạm vi ảnh hưởng trong bản thân của một quốc gia mà còn có những ảnh hưởng liên đới đến những quốc gia và châu lục khác. Vì thế, các nhà văn di cư nói chung và các nhà văn Nga di cư nói riêng đều chịu những tác động từ những sự kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cũng như những xu hướng mang tính chất toàn cầu.

2. NỘI DUNG

2.1. Bối cảnh của văn học Nga di cư đương đại

Ở phương Tây một chuỗi các sự kiện xảy ra làm thay đổi diện mạo của châu Âu, của Mỹ và ảnh hưởng quan trọng đến các quyết sách đối ngoại, kinh tế, chính trị của các quốc gia. Đó là sự sụp đổ của bức tường Berlin (1989), thời kỳ Bức màn sắt và Chiến tranh lạnh kết thúc (1991), sự kiện Liên Xô sụp đổ (1990), sự kiện máy bay của hàng không dân dụng Mỹ bị cướp và đâm vào tòa tháp đôi của nước Mỹ vào ngày 11/9/2001 làm khoảng 3000 người thiệt mạng… Tất cả những sự kiện này đã dẫn đến những cuộc tranh luận gay gắt về

tương lai của nước Nga, những chính sách của phương Tây đối với không gian chính trị hậu Xô viết, đặc biệt là đối với nước Nga, sự phát triển trong tương lai của nước Mỹ, sự phát triển hay khủng hoảng của phương Tây… Đồng thời với đó là sự phát triển và mở rộng của công cuộc toàn cầu hóa (thuật ngữ toàn cầu hóa xuất hiện vào những năm 1950 và được chính thức sử dụng rộng rãi những năm 1990) đã kéo các quốc gia, dân tộc xích lại gần nhau. Tuy nhiên, mặt trái của công cuộc này chính là việc thế giới phải đối mặt với những bài toán: cuộc chiến chống lại chủ nghĩa khủng bố, xung đột giữa chủ nghĩa dân tộc và hội nhập, cuộc chiến chống lại/hay mở rộng cửa cho những người di cư… Đặc biệt, sự hoạt động của Internet trên hệ thống toàn cầu (1969), việc thương mại hóa Internet (1980), sự ra đời của điện thoại di động (1973) cùng sự phổ biến nhanh chóng của thiết bị này đã biến thế giới trở thành thế giới phẳng, mọi sự kết nối giữa con người với con người đều quá dễ dàng và không phụ thuộc vào không gian, thời gian, lứa tuổi, giới tính… Sự kết nối dễ dàng này đã mang lại những hiệu quả không thể phủ nhận về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của các quốc gia, đưa họ xích lại gần nhau, cùng phát triển vì những lợi ích chung của cả hai bên. Nhưng những tiện ích này cũng khiến con người phải đối mặt với những lo ngại: không gian riêng tư của một người trở nên công khai hơn với tất cả mọi người, kéo theo những mối nguy về sự tổn thương thể chất và tâm lý của con người, rộng hơn, bản sắc cá nhân, bản sắc dân tộc cũng đứng trước những nguy cơ bị hòa tan khi hòa nhập về kinh tế…

Sự phát triển của điện thoại di động và mạng Internet cùng tất cả những hệ quả của công cuộc toàn cầu hóa đã khiến cho những người di cư cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21 (sau đây gọi là di cư đương đại) gần như không hề bị cắt đứt mối liên hệ đối với quê hương, điều được coi là nặng nề và đau đớn nhất đối với những người di cư trước đó (vấn đề này đã được các nhà lý thuyết về di cư kinh điển như Safran hay Cohen khẳng định trong các công trình của mình). Từ đó, nhiều người đặt ra câu hỏi, có hay không văn học di cư trong thời đại Internet khi mà "các hình thức giao tiếp mới làm giảm tầm quan trọng của biên giới quốc gia" (Maria Rubins 2021:225) [2]. Thậm chí, nhà văn thuộc làn sóng di cư thứ ba của Nga Zinovy Zinik còn từng nói: "Hình như văn học Nga di cư không còn nữa. Bởi vì cuộc di cư đã kết thúc" (Mineeva 2012:75) [3]. Nhưng rất nhiều nhà nghiên cứu đã bác bỏ lí lẽ này, họ cho rằng quan điểm của Zinik chỉ tính đến những trường hợp di cư về mặt chính trị ở Nga, mà trước nay chúng ta quen định danh là lưu vong. Có thể lý giải cho ý kiến của Zinik theo hướng này, khi ông cho rằng sự di cư của các nhà văn Nga bắt đầu từ sau sự kiện Cách mạng tháng Mười (1917) và kết thúc sau sự kiện Cải tổ ở Liên Xô (1985) (Mineeva 2012:75) [3]. Trong giới nghiên cứu cũng có một số ý kiến đồng tình với Zinik như Alexander Alexandrovich Genis (sinh năm 1953 di cư sang Mỹ năm 1977), P.Kuznetxov. Genis cho rằng khi người dân Nga sống ở khắp nơi trên thế giới sẽ hình thành cái được gọi là "đế chế văn hóa khổng lồ nói tiếng Nga" («громадная культурная русскоязычная империя»), văn học Nga đã mở cửa biên giới, người Nga đã trở thành một dân tộc thế giới và tiếng Nga đã trở thành ngôn ngữ thế giới. Vì thế, sẽ không tồn tại cái gọi là văn học Nga di cư. Nhưng trong chính lập luận của nhà nghiên cứu này cũng có mâu thuẫn khi cho rằng đã có một sự "cân bằng nhiệt" («выравнивание температур») giữa trung tâm (nước Nga) và ngoại vi (khu vực di cư) (Происходит «выравнивание температур» между центром (Россия) и периферией (эмиграция). Việc phân biệt văn học Nga thành hai khu vực trung tâm và ngoại vi chính là đã công nhận sự tồn tại của một bộ phận văn học di cư (ở bên ngoài nước Nga).

Thực tế, có nhiều ý kiến phản bác lại luận điểm cho rằng văn học di cư Nga không còn tồn tại, tiêu biểu là ý kiến của Kostikova, Mineeva. Trong cuốn *Văn học Nga ở nước ngoài (thế kỷ 20 – đầu thế kỷ 21)* Mineeva đã khá thận trọng khi khẳng định "còn quá sớm để đưa ra bất kỳ kết luận và khái quát nào" (Mineeva 2012:78) [3] nhưng vẫn ngầm đồng tình với quan điểm của những nhà ủng hộ khi khẳng định: "Trong khi đó, ngay cả những người phủ nhận sự tồn tại của văn học di cư ngày nay, cũng có thể thấy rõ rằng, một mặt, tình hình đã thay đổi hoàn toàn, mặt khác, sự hình thành của một loại văn học mới vẫn có một số điểm cho phép nói về một kiểu nhà văn di cư nhất định trong thiên niên kỷ mới (một người bị di

dời về mặt địa lý và ngôn ngữ, được liên kết với một địa điểm cụ thể; anh ấy có độc giả của riêng mình; sứ mệnh của anh ấy là bảo tồn văn hóa Nga và tiếng Nga), và đó là, văn học di cư" (Mineeva 2012:78-79) [3].

Thực tế, sự di cư, có thể bao hàm nhưng không hoàn toàn đồng nhất với việc di cư chính trị, nhất là trong thời đương đại, lí do di cư đã phong phú hơn rất nhiều. Các nhà nghiên cứu khẳng định vẫn tồn tại một không gian của văn học Nga di cư đương đại, căn cứ vào đặc trưng quan trọng nhất của bộ phận văn học này, đó là sự di cư, sự di dời: "một nhà văn di cư là người tự coi mình là một người bị di dời, về mặt địa lý và ngôn ngữ, một người, bằng cách này hay cách khác, bị tách biệt khỏi độc giả của mình" (Mineeva 2012:77) [3]. Và từ đó, dẫn đến một vấn đề quan trọng nhất của họ, đó là "tình thế khó xử nhất đối với tác giả di cư là vấn đề thuộc về một nơi nào đó; và lần lượt, dẫn đến câu hỏi - anh ta viết cho ai và độc giả của anh ta ở đâu" (Mineeva 2012:75) [3]. Vì vậy, có thể nói đến sự tồn tại của văn học di cư Nga đương đại với những đặc trưng và ảnh hưởng khác biệt so với văn học Nga di cư ở những làn sóng/thời kỳ trước đó: "Theo các chuyên gia, ảnh hưởng đại diện của làn sóng di cư thứ tư đến cộng đồng thế giới rất có thể sẽ không phải về văn hóa và trí tuệ như trước những năm 1990, mà là vấn đề khác: kinh tế, và một phần chính trị. Nhưng ảnh hưởng này sẽ làm phong phú thêm cho nước Nga hiện đại. Đất mẹ Nga và cộng đồng người Nga di cư, trái ngược với thời của "Bức màn sắt" và khóa cửa biên giới, đã liên hệ chặt chẽ với nhau. Không còn tồn tại sự tồn tại riêng biệt giữa văn hóa mẫu quốc và di cư. Cuộc sống của người Nga trong nước và người Nga di cư trở thành "chuyện chung". Bây giờ nhiệm vụ chung quan trọng nhất của họ là bảo tồn văn hóa và tiếng Nga cho người di cư và con cháu của họ" (Mineeva 2012:78) [3].

Cũng khẳng định về sự tồn tại của văn học di cư, cụ thể là di cư Nga trong thời đại Internet, nhà nghiên cứu Mark Lipovetsky nhấn mạnh "tuy "văn học Nga di cư đương đại" trong tiếng Nga là một diễn ngôn gắn liền với sự dịch chuyển không nhiều lắm trong không gian cũng như trong thời gian, ngôn ngữ cũng như văn hóa trong thời đại Internet và Facebook và sự tự nhận thức của cộng đồng di cư không bị giới hạn bởi sự thuộc về đối với thông tin/bối cảnh văn hóa của quê nhà hay là từ nơi xa xôi nhưng những chấn thương từ sự gián đoạn/ đứt gãy đã chi phối phương thức viết thứ mà được xây dựng dựa trên cảm giác về khoảng cách và sự mất mát hiện hữu như là một điều kiện cần thiết của sự sáng tạo và đồng thời là vấn đề đau đáu của nó" (Maria Rubins 2021:241) [2].

2.2. Làn sóng di cư thứ tư của văn học Nga

2.2.1.Định vị mốc thời gian

Thời điểm cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21 nước Nga (chính xác hơn là Liên Xô) xảy ra một sự kiện đặc biệt. Đó là sự sụp đổ của Liên bang Xô viết. Sự kiện này đã mở đường cho các công dân của đất nước có thể tự do rời quốc gia đến những vùng đất khác nhau bởi không còn những sự cấm đoán hay những sự ra đi cưỡng ép như trong những giai đoạn trước. Thời điểm các nhà văn Nga di cư cuối thế kỷ 20 (tính từ sau sự kiện Liên Xô sụp đổ vào năm 1990) cho đến ngày nay được các nhà nghiên cứu gọi là Làn sóng di cư thứ tư. Theo tác giả Mineeva trong cuốn *Văn học Nga ở nước ngoài (thế kỷ 20 - đầu thế kỷ 21)*, sau khi được tự do đi lại, nhiều nhà văn đã ra nước ngoài, và họ ra đi phần nhiều vì "động cơ sáng tạo" (Mineeva 2012:72) [3]. Nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh những người Nga giờ phân tán ở khắp các châu lục, và "những người di cư hiện tại không cắt đứt quan hệ với quê hương và việc ra đi của họ không phải là một sự bất hạnh" bởi nếu muốn, họ hoàn toàn có thể trở về. Cũng theo nhà nghiên cứu, các nhà văn di cư thuộc làn sóng di cư thứ tư ở Nga khác với những nhà văn di cư thuộc làn sóng thứ nhất, thứ hai và thứ ba ở chỗ họ không còn ở "vị trí bên lề không có chỗ đứng nữa" («маргинальная безместность»), mà đã trở thành chủ thể của chiến lược "hòa nhập" vào một lĩnh vực văn hóa mới. Họ "không coi mình bị cắt rời khỏi nước Nga", họ hiểu rõ văn hóa của đất nước nơi họ đến, họ tiếp tục viết bằng tiếng Nga kết hợp với các ngôn ngữ khác hoặc thông qua các bản dịch. Nhiều người trong số họ đã trở thành công dân thế giới (Mineeva 2012:75) [3]. Đây được gọi là tình trạng vừa phân mảnh vừa tích hợp của văn học Nga di cư, khi người Nga ngày càng